



► Báo cáo Nghiên cứu tóm tắt kinh tế xã hội và đoàn kết ở Việt Nam

Tháng Một 2026

Những điểm chính

- Khái niệm kinh tế xã hội và đoàn kết (SSE) có sự tương thích chặt chẽ với khái niệm của Việt Nam về kinh tế tập thể, bao gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ hợp tác.
- Tại Việt Nam, các chủ thể của kinh tế xã hội và đoàn kết bao gồm các tổ chức, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hiệp hội, doanh nghiệp xã hội và các nhóm tự lực không chính thức. Trong đó, hợp tác xã giữ vai trò trung tâm, với nòng cốt là Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) là tổ chức đại diện và là một trong đối tác ba bên của ILO.
- Mặc dù Việt Nam chưa có một khung pháp lý bao quát toàn bộ theo khái niệm nền kinh tế xã hội và đoàn kết, các tổ chức thuộc kinh tế xã hội và đoàn kết hiện đang được điều chỉnh và hỗ trợ bởi một hệ thống luật và nghị định quốc gia tương đối toàn diện, liên tục được hoàn thiện và phát triển.
- Các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết tại Việt Nam có đóng góp đáng kể vào tạo việc làm và thúc đẩy phát triển bền vững, đặc biệt đối với phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số và cư dân nông thôn. Tuy nhiên, các tổ chức này vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm hạn chế về tiếp cận tài chính, năng lực tổ chức, mức độ gắn kết chính sách còn chưa cao, cũng như thiếu hụt việc làm thỏa đáng, nhất là trong các hợp tác xã và các tổ hợp tác quy mô nhỏ.

Bản Báo cáo nghiên cứu tóm tắt này phân tích các đặc điểm chính của nền kinh tế xã hội và đoàn kết tại Việt Nam, nhấn mạnh những đóng góp của kinh tế xã hội và đoàn kết đối với việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững. Báo cáo trình bày các khuôn khổ pháp lý, thể chế và chính sách liên quan, đồng thời xác định các lộ trình nhằm thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của kinh tế xã hội và đoàn kết.

Nền kinh tế xã hội và đoàn kết trong bối cảnh Việt Nam

Mặc dù thuật ngữ kinh tế xã hội và đoàn kết chưa được xác lập như một khái niệm pháp lý chính thức tại Việt Nam, các thực tiễn và hình thức tổ chức phản ánh các giá trị cốt lõi của kinh tế xã hội và đoàn kết lại hiện diện rộng rãi. Trong bối cảnh đó, kinh tế tập thể đóng vai trò là khuôn khổ quốc gia chủ đạo điều chỉnh và định hình các tổ chức này.

Về mặt lịch sử, các hoạt động nhằm cung cấp các giải pháp xã hội bền vững bắt đầu phát triển mạnh sau khi

chính sách Đổi Mới được ban hành năm 1986. Chính sách này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, cho phép các hình thức sở hữu và hoạt động kinh tế đa dạng cùng tồn tại dưới sự quản lý của Nhà nước. Qua đó, chính sách Đổi Mới đã tạo điều kiện cho các cá nhân và cộng đồng tham gia chủ động hơn vào việc đáp ứng các nhu cầu xã hội và phát triển sinh kế.

Tuy nhiên, kinh tế xã hội và đoàn kết ở Việt Nam không phải là một nội dung mới. Nguồn gốc của nó có thể truy nguyên từ các giá trị văn hóa truyền thống, dựa trên các tập quán cộng đồng và tinh thần tương trợ tập thể. Trong nhiều thế hệ, các cộng đồng làng xã đã thực hành trách nhiệm chung và hỗ trợ lẫn nhau thông qua các hình thức như đổi công (trao đổi lao động), tương thân tương ái (đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau), quản lý cộng đồng đối với thủy lợi và đất đai, cũng như sự hỗ trợ của dòng họ trong giáo dục và sinh kế. Những thực tiễn này phản ánh rõ các nguyên tắc đoàn

kết và hợp tác – chính là nền tảng của kinh tế xã hội và đoàn kết.

Các giá trị trên sau đó được củng cố và phát triển trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người từ năm 1927 đã mô tả hợp tác xã như một mô hình dựa trên quyền làm chủ dân chủ của thành viên, sở hữu tập thể và lợi ích chung. Sau khi Việt Nam giành được độc lập, hợp tác xã được thúc đẩy như một trụ cột quan trọng của phát triển nông thôn và tăng cường đoàn kết xã hội.

Dựa trên những nền tảng lịch sử và văn hóa này, khung hiến pháp của Việt Nam công nhận kinh tế tập thể là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc gia, phù hợp chặt chẽ với các nguyên tắc của kinh tế xã hội và đoàn kết. Hiến pháp sửa đổi năm 2025 xác định kinh tế tập thể là một trong bốn khu vực kinh tế chủ yếu, với các đặc trưng cốt lõi như sự tham gia tự nguyện của thành viên, góp vốn và tư liệu sản xuất, quản lý tập thể theo nguyên tắc dân chủ và bình đẳng, cũng như phân phối lợi ích gắn với mức độ đóng góp về vốn, lao động hoặc dịch vụ.¹

► Định nghĩa của ILO về kinh tế xã hội và đoàn kết

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), kinh tế xã hội và đoàn kết bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức và các chủ thể khác tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường nhằm phục vụ lợi ích tập thể và/hoặc lợi ích chung. Các chủ thể này được xây dựng trên các nguyên tắc hợp tác tự nguyện và tương trợ; quản trị dân chủ và/hoặc có sự tham gia; tự chủ và độc lập; cũng như ưu tiên con người và mục tiêu xã hội hơn là vốn trong việc phân phối và sử dụng thặng dư, lợi nhuận và tài sản. Các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết hướng tới tính bền vững và tồn tại lâu dài, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ khu vực kinh tế phi chính thức sang khu vực kinh tế chính thức và hoạt động trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Trong thực tiễn, các tổ chức này hiện thực hóa một hệ giá trị cốt lõi gắn với chăm lo cho con người và hành tinh, bình đẳng và công bằng, tính phụ thuộc lẫn nhau, tự quản, minh bạch và trách nhiệm giải trình, qua đó góp phần đạt được việc làm bền vững và sinh kế ổn định. Tùy theo bối cảnh quốc gia, kinh tế xã hội và đoàn kết có thể bao gồm các hợp tác xã, hiệp hội, tổ chức tương hỗ, quỹ, doanh nghiệp xã hội, nhóm tự lực và các hình thức tổ chức khác hoạt động phù hợp với các giá trị và nguyên tắc của kinh tế xã hội và đoàn kết.

Nghị quyết của ILO về việc làm bền vững và nền kinh tế đoàn kết xã hội, 2022.

Nền kinh tế tập thể của Việt Nam phản ánh rõ nét các nguyên tắc cốt lõi của kinh tế xã hội và đoàn kết, bao gồm

tính tự nguyện, quản trị dân chủ và lấy lợi ích của thành viên làm trung tâm. Trong khuôn khổ này, các chủ thể nòng cốt bao gồm tổ hợp tác, hợp tác xã – trong đó có hợp tác xã nông nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân – và liên hiệp hợp tác xã. Việt Nam tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, bao trùm các hình thức tổ chức từ mức độ hợp tác thấp đến cao, như được trình bày trong Bảng 1.

► Bảng 1: Các hình thức kinh tế tập thể ở Việt Nam

Hình thức	Tình trạng pháp lý	Thành viên	Đặc điểm chính
Tổ hợp tác/nhóm hợp tác	Không có tư cách pháp nhân (dựa trên hợp đồng hợp tác)	Ít nhất 2 thành viên (cá nhân hoặc hộ gia đình)	Hình thức đơn giản nhất của kinh tế tập thể; các thành viên góp vốn và lao động; thường là bước chuyển tiếp lên hợp tác xã
Hợp tác xã	Có tư cách pháp nhân theo Luật Hợp tác xã (2023)	Tối thiểu 5 thành viên (cá nhân hoặc pháp nhân)	Đơn vị nòng cốt của kinh tế tập thể; quản trị dân chủ; tham gia kinh tế tích cực

Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam VCA, *Sách trắng Hợp tác xã 2024*

Ở cấp độ hợp tác ban đầu, tổ hợp tác là hình thức đơn giản nhất của kinh tế tập thể tại Việt Nam. Đây là các nhóm tự nguyện gồm ít nhất hai thành viên, cùng góp vốn và lao động để thực hiện các hoạt động kinh tế cụ thể mang lại lợi ích chung. Mặc dù có chung một số đặc điểm với hợp tác xã – như sở hữu tập thể, hợp tác dân chủ và trách nhiệm chung – tổ hợp tác khác biệt ở chỗ không có tư cách pháp nhân.

Năm 2023, cả nước có khoảng 72.183 tổ hợp tác², chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, thủ công mỹ nghệ và dịch vụ quy mô nhỏ. Các tổ hợp tác này thường đóng vai trò là hình thức chuyển tiếp giữa sản xuất hộ gia đình riêng lẻ và hợp tác xã được đăng ký chính thức, qua đó đóng góp quan trọng vào sinh kế nông thôn và hợp tác kinh tế ở địa phương. ILO đã hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Nghị định hình thức hóa các tổ hợp tác, thông qua hỗ trợ kỹ thuật, phát triển các công cụ đào tạo và giải pháp số phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho việc chuyển đổi sang hợp tác xã đăng ký chính thức, giúp các chủ thể tiếp cận tư cách pháp lý, an sinh xã hội và các nguồn lực tài chính.

¹ Cơ quan Lý luận Chính trị Việt Nam. [Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã](#). Năm 2022

² Liên minh HTX Việt Nam, 2024

Hợp tác xã là trụ cột của nền kinh tế tập thể Việt Nam.

Các hợp tác xã được hình thành trên cơ sở tự nguyện, tương trợ, quản trị dân chủ và sự tham gia kinh tế tích cực của các thành viên, đồng thời hoạt động với tư cách pháp nhân theo Luật Hợp [tác xã \(2023\)](#). Thông qua việc tổ chức sản xuất, kinh doanh và cung ứng hàng hóa, dịch vụ, hợp tác xã góp phần cải thiện sinh kế, tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng và thúc đẩy phát triển bao trùm. Trong lịch sử, mô hình hợp tác xã đã liên tục thích ứng qua các giai đoạn chiến , phát triển , tái thiết và cải cách, phản ánh vai trò bền vững của nó trong tiến trình phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam.

► Nghiên cứu điển hình: Sự phát triển của hợp tác xã ở Việt Nam

Hợp tác xã đầu tiên tại Việt Nam được chính thức thành lập năm 1948 với **Hợp tác xã Sản xuất Thủ công mỹ nghệ Dân Chủ**, mở đầu cho sự phát triển của phong trào hợp tác xã trong giai đoạn 1948–1950. Trong giai đoạn 1955–1975, các hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm sản xuất lương thực, hỗ trợ quân sự và cộng đồng địa phương, và tiếp tục góp phần vào công cuộc xây dựng lại đất nước sau chiến tranh.

Tuy nhiên, quy mô và vai trò của hợp tác xã suy giảm đáng kể sau khi chính sách Đổi Mới được ban hành năm 1986, khi các hợp tác xã bị giải thể và đất đai được phân bổ cho các hộ nông dân nhỏ. Các mô hình hợp tác xã trước đây, đã gặp nhiều thách thức trong việc thích ứng với các điều kiện kinh tế mới.

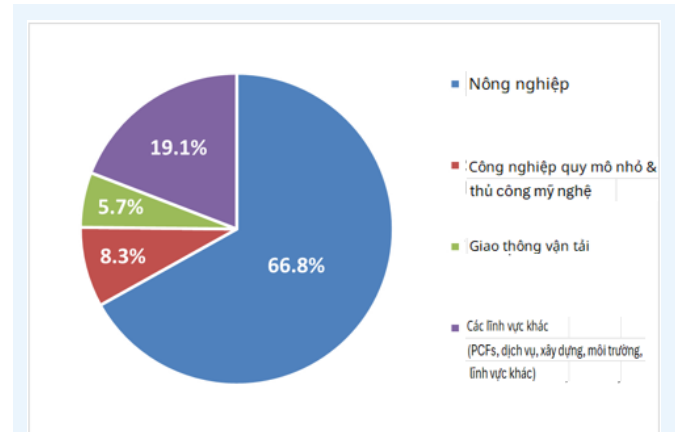
Mô hình hợp tác xã hiện nay được định hình trên nền tảng cải cách Đổi Mới, kế thừa những bài học từ quá khứ và phù hợp hơn với các nguyên tắc hợp tác xã của Liên minh Hợp tác xã Quốc tế (ICA) cũng như [Khuyến nghị số 193 của ILO về Thúc đẩy Hợp tác xã \(2002\)](#).

Ngày nay, quy mô và cơ cấu của phong trào hợp tác xã phản ánh rõ quá trình phát triển và thích ứng này. Năm 2024, Việt Nam ước tính có 33.557 hợp tác xã, trong đó 22.415 là hợp tác xã nông nghiệp và 11.142 là hợp tác xã phi nông nghiệp³.

Các hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và các ngành liên quan, hỗ trợ thành viên thông qua việc cung ứng đầu vào, tổ chức mua chung, cũng như áp dụng các công cụ số và công nghệ cao trong sản xuất và quản lý. Nhiều hợp tác xã đã được tích hợp vào chuỗi giá trị và tham gia xây dựng thương hiệu tập thể, qua

đó nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng tiếp cận thị trường.

► Hình 1: Phân bố hợp tác xã theo ngành, 2024



Nguồn: [VCA, Sách trắng Hợp tác xã 2024](#).

Các hợp tác xã phi nông nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, bao gồm công nghiệp quy mô nhỏ và thủ công mỹ nghệ, thương mại và dịch vụ, giao thông vận tải, xây dựng và quản lý môi trường. Thông qua các hoạt động này, các hợp tác xã phi nông nghiệp góp phần đa dạng hóa nền kinh tế địa phương, tạo việc làm và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của cộng đồng. Sự phân bố các hợp tác xã theo lĩnh vực hoạt động chính được trình bày trong Hình 1, cho thấy các hợp tác xã nông nghiệp vẫn chiếm ưu thế, với khoảng 67% tổng số hợp tác xã trên cả nước.

Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là hình thức hợp tác xã tài chính. Theo Luật Các tổ chức tín dụng, QTDND được định nghĩa là “tổ chức tín dụng do pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình tự nguyện thành lập với mục đích chính là hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt”⁴. Tính đến năm 2023, Việt Nam có 1.181 QTDND, hoạt động dựa trên các nguyên tắc của kinh tế xã hội và đoàn kết, bao gồm tư cách thành viên tự nguyện, tương trợ lẫn nhau và quản trị dân chủ trong cung cấp dịch vụ tài chính⁵. Với quy mô và mức độ vốn hóa lớn hơn so với đa số hợp tác xã phi nông nghiệp, QTDND đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ tiết kiệm và tín dụng cho các nhà sản xuất nhỏ và hộ gia đình, qua đó thúc đẩy tài chính bao trùm, phát triển kinh tế địa phương và an sinh xã hội, đồng thời hỗ trợ quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức.

³ [VCA, Sách trắng về Hợp tác xã \(tr.9, 2024\)](#)

⁴ [Luật Các tổ chức tín dụng \(2024\)](#)

⁵ [VCA, Sách trắng về Hợp tác xã \(tr.9, 2024\)](#)

Ở cấp độ tổ chức cao hơn, liên hiệp hợp tác xã được thành lập bởi ít nhất hai hợp tác xã, nhằm tạo điều kiện cho phối hợp hoạt động, cung cấp dịch vụ chung và tăng cường liên kết thị trường. Tính đến cuối năm 2024, cả nước có 141 liên hiệp hợp tác xã, trong đó hơn một nửa trong số đó có hoạt động hiệu quả và góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực⁶. Mặc dù các liên hiệp hợp tác xã đại diện cho mức độ liên kết cao nhất, hợp tác xã vẫn là chủ thể trung tâm của nền kinh tế tập thể.

Tại Việt Nam, hợp tác xã, cùng với Quỹ tín dụng nhân dân, là các hình thức phù hợp nhất với các nguyên tắc của kinh tế xã hội và đoàn kết, khi kết hợp tư cách thành viên tự nguyện, tương trợ lẫn nhau, quản trị dân chủ và sự tham gia kinh tế tích cực. Tổ hợp tác chia sẻ nhiều đặc điểm tương đồng nhưng thiếu tư cách pháp nhân, trong khi các hiệp hội nhấn mạnh sự tham gia và mục tiêu xã hội, với mức độ tham gia vào hoạt động kinh tế thấp hơn. Bên cạnh các hình thức kinh tế tập thể cốt lõi này, nhiều tổ chức khác cũng chia sẻ các giá trị và nguyên tắc của kinh tế xã hội và đoàn kết, với quy mô và mức độ đa dạng được trình bày trong Bảng 2.

Ngoài khu vực kinh tế tập thể, các hiệp hội, doanh nghiệp xã hội và các nhóm tự lực cũng thể hiện các giá trị kinh tế xã hội và đoàn kết ở những mức độ khác nhau. Đặc biệt, các hiệp hội có lịch sử thể chế lâu đời tại Việt Nam. Trong lịch sử, nhiều làng xã đã hình thành các hội nghề nghiệp và nhóm thợ thủ công, trong khi các thương nhân tổ chức theo các quy tắc chung nhằm ổn định sản xuất; song song với đó là sự tồn tại của các hội đồng dòng họ và các nhóm dựa vào cộng đồng khác. Theo thời gian, những hình thức này đã phát triển thành nhiều loại hiệp hội khác nhau, bao gồm hiệp hội cứu trợ, thương mại, nông nghiệp và giáo dục.

Ngày nay, các hiệp hội chiếm một bộ phận lớn và đa dạng trong bức tranh kinh tế xã hội và đoàn kết, với trọng tâm là sự tham gia, đoàn kết và lợi ích công cộng hơn là lợi nhuận. Theo [Nghị định số 126/2024/NĐ-CP](#) (ngày 08/10/2024), hiệp hội được định nghĩa là tổ chức hoạt động thường xuyên, không vì mục đích lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ hợp tác lẫn nhau và góp phần phát triển kinh tế – xã hội. Trong những thập kỷ gần đây, hàng nghìn hiệp hội mới đã được thành

lập, phần lớn có quy mô nhỏ và phạm vi hoạt động hạn chế. Tính đến năm 2021, cả nước có 93.425 hiệp hội, trong đó 571 hiệp hội hoạt động ở cấp quốc gia hoặc liên tỉnh, còn lại chủ yếu hoạt động ở cấp địa phương⁷.

► **Bảng 2: Các loại hình và số lượng thực thể tại Việt Nam có chung một số giá trị và nguyên tắc của kinh tế xã hội và đoàn kết**

Loại thực thể	Số thực thể	Nguồn
Hợp tác xã nông nghiệp	22,415	VCA, Sách trắng về Hợp tác xã, tr. 9, 2024
Hợp tác xã phi nông nghiệp	11,142	VCA, Sách trắng về Hợp tác xã, tr.9, 2024
Tổ hợp tác	72,183	VCA, Sách trắng về Hợp tác xã, tr.10, 2024
Quỹ tín dụng nhân dân	1,181	VCA, Sách trắng về Hợp tác xã, tr.9, 2024
Hiệp hội	93,425	Báo Chính Phủ, 2022
Doanh nghiệp xã hội	700	Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, 2023
Doanh nghiệp do cá nhân có hoàn cảnh khó khăn làm chủ	16,500	Bộ LĐTBXH, quản trị viên dữ liệu ⁸
Doanh nghiệp đóng góp cho các mục tiêu xã hội và môi trường	18,600	Tổng cục Thống kê; Hội đồng Anh, 2017 ⁹
Nhóm tự lực	Không có thông tin/số liệu	Không có

Lưu ý: Đường dẫn liên kết được trích dẫn trong trường hợp có nguồn dữ liệu công khai. Đối với các số liệu dựa trên dữ liệu hành chính hoặc ước tính chưa có cơ sở dữ liệu công khai, nguồn được trích dẫn trực tiếp trong văn bản hoặc chú thích.

Doanh nghiệp xã hội là một hiện tượng tương đối mới tại Việt Nam. Các doanh nghiệp này được chính thức công nhận từ năm 2014 theo [Luật Doanh nghiệp/số 68](#), cho phép doanh nghiệp đăng ký là doanh nghiệp xã hội nếu theo đuổi mục tiêu xã hội và/hoặc môi trường và tái đầu tư phần lớn lợi nhuận cho các mục tiêu đó.

Tính đến năm 2023, khoảng 700 doanh nghiệp đã đăng ký chính thức với tư cách là doanh nghiệp xã hội. Tuy nhiên, số lượng các doanh nghiệp có tiềm năng đáp ứng tiêu chí

⁶ [VCA, Sách trắng về Hợp tác xã \(tr.10, 2024\)](#)

⁷ Báo Chính Phủ. (2022). [Tăng cường quản lý nhà nước các quỹ xã hội, quỹ từ thiện](#).

⁸ Con số này dựa trên số liệu hành chính của Bộ LĐTBXH và đề cập đến các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc sở hữu của các cá nhân có hoàn

cảnh dễ bị tổn thương. Dữ liệu không được phân tách theo hình thức pháp lý, lĩnh vực hoặc loại lỗi hỏng.

⁹ Ước tính sử dụng dữ liệu doanh nghiệp TCTK và tỷ lệ giả định (1,1%) doanh nghiệp vừa và nhỏ với các mục tiêu xã hội hoặc môi trường, dựa trên Hội đồng Anh (2017). Vì không có phân loại chính thức nào tồn tại, ước tính này chỉ mang tính biểu thị.

này được cho là cao hơn đáng kể, do tỷ lệ đăng ký còn thấp và các cơ chế ưu đãi hiện hành còn hạn chế.

Mặc dù các tổ chức chia sẻ các giá trị của kinh tế xã hội và đoàn kết tại Việt Nam rất đa dạng, các tổ chức này vẫn phải đối mặt với những thách thức chung làm hạn chế tiềm năng phát triển. Tăng trưởng kinh tế nhanh chóng đã gia tăng cạnh tranh và áp lực thị trường, khiến các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết gặp khó khăn khi cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn, định hướng lợi nhuận, đặc biệt trong tiếp cận vốn và thị trường. Bên cạnh đó, khung pháp lý còn phân mảnh và mức độ hiển thị chính sách thấp làm giảm hiệu quả hỗ trợ, trong khi nhiều tổ chức mới thành lập hoặc quy mô nhỏ còn hạn chế về năng lực quản lý và quản trị. Những thách thức này cho thấy nhu cầu cấp thiết về tăng cường gắn kết và nhất quán chính sách đối với kinh tế xã hội và đoàn kết.

Đóng góp cho việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững

Các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết góp phần tạo việc làm thỏa đáng thông qua tạo việc làm trực tiếp, thúc đẩy chính thức hóa các hoạt động kinh tế và tăng cường đối thoại xã hội. Tại Việt Nam, các hợp tác xã có hơn 7 triệu thành viên, trực tiếp sử dụng khoảng 2,5 triệu lao động thường xuyên, đồng thời hỗ trợ sinh kế của khoảng 2 triệu người khác một cách gián tiếp, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và miền núi¹⁰. Các hợp tác xã góp phần tạo thu nhập ổn định, cung ứng các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của thành viên và nâng cao mức sống. Doanh nghiệp xã hội cũng đóng vai trò quan trọng thông qua việc tạo việc làm và đào tạo nghề cho các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm người khuyết tật và người dân tộc thiểu số. Tổng thể, những đóng góp này phù hợp và hỗ trợ các ưu tiên của Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam 2022–2026.

► Nghiên cứu điển hình: Hợp tác xã Tư lỵ Cổ Chất

Hợp tác xã Tư lỵ Cổ Chất được thành lập năm 2021 bởi 11 hộ dệt, hiện tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 20 lao động và tổ chức sản xuất, tiếp thị theo hình thức tập thể cho các hộ thành viên. Hợp tác xã ra đời trong bối cảnh đại dịch COVID-19 nhằm duy trì sản xuất và ổn định đầu ra khi nhu cầu địa phương và khả năng di chuyển bị gián đoạn. Các hoạt động chính bao gồm dệt và xử lý lụa, với sản phẩm được phân phối thông qua các kênh thương mại điện tử do hợp tác xã và các thành viên trực tiếp quản lý.

Nguồn: [Thông tấn xã Việt Nam \(TTXVN\)](#), 2021

Các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết vận hành dựa trên cơ chế quản trị dân chủ nhằm chia sẻ kết quả một cách công bằng. Trong hợp tác xã, điều này thường được thể hiện thông qua việc phân bổ thẳng dư vào các quỹ dự trữ và hoàn trả bảo trợ gắn với giao dịch của thành viên, với giới hạn hoặc không có lợi nhuận trên vốn. Những cơ chế này góp phần giảm chênh lệch thu nhập, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ và tham gia ra quyết định, đồng thời tăng cường sự tham gia và vai trò lãnh đạo của các nhóm ít được đại diện, bao gồm phụ nữ.

► Nghiên cứu điển hình: KOTO (Biết một, dạy một)

KOTO là một doanh nghiệp xã hội được thành lập năm 1999 nhằm hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận thị trường lao động trong lĩnh vực khách sạn. KOTO triển khai chương trình đào tạo được công nhận kéo dài 24 tháng, kết hợp đào tạo nghề với tiếng Anh, công nghệ thông tin, kỹ năng sống và cố vấn cá nhân. Chương trình được triển khai tại Trường Mơ ước của KOTO ở Bắc Ninh và nhà hàng đào tạo tại Hà Nội, nơi học viên luân phiên thực hành tại nơi làm việc có giám sát. Kể từ khi thành lập, gần 1.700 học viên đã tốt nghiệp, và KOTO báo cáo 100% học viên có việc làm sau khi hoàn thành chương trình, với cựu học viên hiện đang làm việc tại 14 quốc gia.

Nguồn: [Trang web chính thức của KOTO](#), 2025

Trong bối cảnh khủng hoảng, các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng chống chịu của địa phương bằng cách bảo đảm sinh kế, ổn định thu nhập và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tại Việt Nam, các hợp tác xã giúp cộng đồng hấp thụ các cú sốc kinh tế thông qua việc tập hợp nguồn lực, thúc đẩy tương trợ và duy trì việc làm. Trong các cuộc khủng hoảng trước đây, bao gồm suy thoái kinh tế toàn

¹⁰ [Quan hệ đối tác ICA-EU: Lập bản đồ – Các số liệu chính Báo cáo quốc gia: Việt Nam \(2021\)](#)

cầu năm 2008 và đại dịch COVID-19, các hợp tác xã đã góp phần bảo vệ việc làm và thúc đẩy phục hồi, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Sau các cú sốc gần đây, như cơn bão Yagi năm 2024, nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã hỗ trợ khôi phục sinh kế và sản xuất thông qua tăng cường liên kết chuỗi giá trị và đào tạo phòng ngừa rủi ro.

► **Nghiên cứu điển hình: Dự án YOUCOOL – Thanh niên và chuyển đổi số trong hợp tác xã**

Dự án YOUCOOL là một sáng kiến kéo dài ba năm, được khởi xướng năm 2024 bởi Liên minh Hợp tác xã Việt Nam với sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu. Dự án thúc đẩy sự tham gia của thanh niên trong hợp tác xã thông qua đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ quản trị và số hóa hoạt động hợp tác xã, đặc biệt trong chuỗi cung ứng cà phê. Ước tính của dự án cho thấy trong giai đoạn 2024–2025, tới 9,4 triệu thành viên hợp tác xã có thể được hưởng lợi từ việc cải thiện khả năng tiếp cận công nghệ và tài nguyên số trong hoạt động hợp tác.

Nguồn: [Liên minh Hợp tác Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương \(ICA-AP\)](#), 2025

Số hóa đang trở thành một động lực quan trọng của phát triển hợp tác xã tại Việt Nam. [Luật Hợp tác xã năm 2023](#) đã đưa vào các cơ chế mới như đăng ký trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho quản trị minh bạch và hiệu quả hơn. Song song với đó, [Chỉ thị số 19/CT-TTG](#) (03/6/2023) thúc đẩy chuyển đổi số trong nền kinh tế thị trường, bao gồm khu vực hợp tác xã, góp phần củng cố và mở rộng các nỗ lực chính sách này.

Trên cơ sở các cải cách pháp lý nói trên, hơn 2.500 hợp tác xã nông nghiệp đã áp dụng các công cụ số trong sản xuất và cung ứng dịch vụ, qua đó tăng cường hội nhập chuỗi giá trị và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Trong bối cảnh này, các sáng kiến tập trung vào thanh niên như YOUCOOL đóng vai trò bổ trợ quan trọng, bằng cách tích hợp các thực hành số vào hoạt động hợp tác xã và khuyến khích sự tham gia rộng rãi hơn vào quá trình chuyển đổi số công bằng của Việt Nam.

► **Nghiên cứu điển hình: Công ty TNHH Út Mông**

Công ty TNHH Út Mông là một doanh nghiệp xã hội được thành lập năm 2009, chuyên sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ dừa, bao gồm phẩm xơ dừa, than bùn dừa (cùi xơ dừa) và các sản phẩm chế biến từ gáo dừa. Doanh nghiệp sử dụng vỏ dừa và các phụ phẩm từ dừa làm nguyên liệu đầu vào, với sản phẩm được tiêu thụ tại nhiều thị trường ở châu Á. Theo thông tin do doanh nghiệp cung cấp, Út Mông sử dụng khoảng 150–200 lao động địa phương, trong đó khoảng 80% là phụ nữ và 15% là người dân tộc Khmer. Công ty cho biết người lao động tham gia đầy đủ các chương trình bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật Việt Nam, với thu nhập bình quân cao hơn mức trung bình của tỉnh. Các số liệu về cơ cấu việc làm, tiền lương và phúc lợi do doanh nghiệp tự báo cáo.

Nguồn: [Thông tấn xã Việt Nam \(TTXVN\)](#)

Ngoài vai trò truyền thống trong nông nghiệp và dịch vụ, các hợp tác xã tại Việt Nam ngày càng được ghi nhận về tiềm năng đóng góp cho nền kinh tế chăm sóc. Việc tăng cường hợp tác giữa Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) và ILO có thể tập trung vào phát triển các hợp tác xã chăm sóc đáp ứng giới như một lĩnh vực mới nổi, trong đó Thí điểm Kinh tế Chăm sóc là một hướng đi quan trọng nhằm chính thức hóa các dịch vụ chăm sóc và tạo việc làm bền vững gắn với an sinh xã hội. Ngay cả khi chưa có một trọng tâm chính sách riêng, nhiều hợp tác xã hiện nay vẫn cung cấp khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt ở khu vực nông thôn, qua đó đóng vai trò như các mạng lưới an sinh không chính thức, góp phần tăng cường khả năng chống chịu và phúc lợi xã hội. Trong bối cảnh phụ nữ đang quản lý khoảng 10% hợp tác xã nông nghiệp, việc mở rộng sự tham gia của hợp tác xã trong các hoạt động liên quan đến chăm sóc có thể thúc đẩy bình đẳng giới và tạo thêm việc làm chất lượng.¹¹

¹¹ [Liên minh Hợp tác xã Việt Nam \(VCA\)](#), 2025 *Vietnam Snapshot*, 2024

► Nghiên cứu điển hình: Hợp tác xã chè Hảo Đạt

Hợp tác xã chè Hảo Đạt được thành lập năm 2017 bởi 41 nhà sản xuất chè, phần lớn là phụ nữ. Hiện hợp tác xã có khoảng 70 thành viên, quản lý hơn 35 ha diện tích chè. Hảo Đạt tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 50 lao động và ký hợp đồng với hàng trăm lao động thời vụ trong mùa thu hoạch, trong đó phụ nữ chiếm đa số ở cả hai nhóm. Theo hợp tác xã, các chính sách nhân sự bao gồm phúc lợi an sinh xã hội, đào tạo kỹ năng và cơ hội chuyển đổi từ lao động thời vụ sang vị trí cố định. Trong sản xuất, hợp tác xã áp dụng tiêu chuẩn VietGAP và từng bước loại bỏ thuốc trừ sâu tổng hợp và phân bón hóa học, đồng thời hỗ trợ thành viên thông qua vốn, đào tạo và chuyển giao công nghệ sản xuất. Các biện pháp này góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm và ổn định thu nhập cho các hộ sản xuất nhỏ.

Nguồn: [Thông tấn xã Việt Nam \(TTXVN\), 2023](#)

Bên cạnh đó, các tổ chức mang đặc điểm kinh tế xã hội và đoàn kết đóng góp quan trọng cho quá trình chuyển đổi xanh và công bằng của Việt Nam thông qua việc thúc đẩy các thực hành bền vững về môi trường gắn với hòa nhập xã hội. Các hợp tác xã hỗ trợ canh tác hữu cơ, quản lý tài nguyên bền vững và sử dụng năng lượng tái tạo, trong khi mô hình hợp tác cho phép tận dụng kinh tế theo quy mô và thúc đẩy đổi mới trong sản xuất sạch, giao thông xanh và nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Bằng cách lồng ghép công bằng xã hội vào hành động môi trường, các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết góp phần bảo đảm rằng quá trình chuyển đổi xanh đáp ứng nhu cầu của cộng đồng địa phương và không làm gia tăng các bất bình đẳng hiện có.

Khung pháp lý, chính sách và thể chế

Mặc dù khái niệm kinh tế xã hội và đoàn kết chưa được quy định một cách rõ ràng trong pháp luật, những đóng góp của các tổ chức mang đặc điểm kinh tế xã hội và đoàn kết đã được ghi nhận trong các chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam. Nhiều nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiêu biểu là [Nghị quyết số 20-NQ/TW](#) ngày 16/6/2022, nhấn mạnh kinh tế tập thể là một trụ cột của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời kêu gọi tiếp tục đổi mới và củng cố thể chế trong lĩnh vực này.¹²

¹² Xem thêm: Nghị quyết [số 11-NQ/TW \(ngày 03/6/2017\)](#) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Nghị quyết [số 10-NQ/TW \(ngày 03/6/2017\)](#) về phát triển kinh tế tư nhân là động lực chính của nền kinh tế.

Tổng quan khung pháp lý

Mặc dù có sự thừa nhận về mặt chính sách, Việt Nam hiện chưa có một khung pháp lý thống nhất điều chỉnh toàn bộ kinh tế xã hội và đoàn kết. Thay vào đó, các thực thể có thể được xem là một phần của kinh tế xã hội và đoàn kết được điều chỉnh thông qua các luật chuyên ngành khác nhau, phản ánh một cách tiếp cận pháp lý phân mảnh nhưng vẫn có tính chức năng. Bảng 3 tóm lược các loại hình thực thể chính, khuôn khổ pháp luật áp dụng và các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, giám sát.

► **Bảng 3: Các thực thể có đặc điểm kinh tế xã hội và đoàn kết, khuôn khổ pháp lý và cơ quan quản lý liên quan**

	Văn bản quy phạm	Cơ quan phụ trách
Hợp tác xã nông nghiệp	Luật Hợp tác xã (2023)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư <i>cũng</i> : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ¹³
Hợp tác xã phi nông nghiệp	Luật Hợp tác xã (2023)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Tổ hợp tác	Luật Hợp tác xã (2023)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Quỹ tín dụng nhân dân	Luật Các tổ chức tín dụng (2024) và Luật Hợp tác xã (2023)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Hiệp hội	Luật Dân sự, Nghị định số 126/2024/NĐ-CP	Bộ Nội vụ
Doanh nghiệp xã hội	Luật Doanh nghiệp (2020)	Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh

Năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Hợp tác xã sửa đổi, đánh dấu một bước cải cách quan trọng trong khuôn khổ pháp lý đối với kinh tế tập thể. Quá trình cải cách do Chính phủ dẫn dắt, với các cuộc tham vấn ba bên có sự tham gia của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các đối tác xã hội, trong đó ILO đã cung cấp các đóng góp kỹ thuật và kinh nghiệm so sánh quốc tế quan trọng. Luật mới điều chỉnh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ hợp tác, đồng thời quỹ tín dụng nhân dân cũng được điều chỉnh bổ sung theo [Luật các tổ chức tín dụng năm 2024](#).

Các cải cách này nhằm tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức, thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thành lập và vận hành hợp tác xã, bao gồm cả việc đẩy

¹³ Những con số này phản ánh các sắp xếp thể chế trước tháng 7 năm 2025. Sau khi tái cơ cấu chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sáp nhập vào Bộ Tài chính, trong khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trở thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

mạnh số hóa. Những nỗ lực này tiếp tục được cụ thể hóa thông qua [Nghị định 92/2024/NĐ-CP](#) (ngày 18/7/2024), quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự và thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã, đồng thời tăng cường liên thông đăng ký số, chuẩn hóa dữ liệu và kết nối đăng ký thuế.

Bên cạnh đó, Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi ([số 41/2024/QH15](#)) có hiệu lực từ tháng 7/2025, đã mở rộng phạm vi bao phủ đối với thành viên hợp tác xã và người lao động trong các hình thức việc làm không chuẩn. Trong quá trình sửa đổi luật, ILO đã hỗ trợ kỹ thuật đáng kể, bao gồm tư vấn kỹ thuật và tăng cường năng lực, nhằm mở rộng hiệu quả độ bao phủ an sinh xã hội cho các thành viên hợp tác xã. Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã (2021-2025) hiện đóng vai trò là công cụ chính để triển khai các cải cách và chính sách này.

Hội tại Việt Nam hiện được điều chỉnh theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, thay thế Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Theo Điều 5, các hội hoạt động dựa trên các nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, cởi mở và minh bạch, đồng thời được kỳ vọng tự chủ về tài chính và hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Hiệp hội có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm hiệp hội, liên đoàn hoặc câu lạc bộ.

Về bản chất, hiệp hội là tổ chức tự nguyện của cá nhân và tổ chức có chung ngành nghề hoặc lợi ích, được thành lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, nâng cao hiệu quả hoạt động và góp phần phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, do số lượng lớn và tính đa dạng cao, việc xây dựng một khung pháp lý và chính sách toàn diện cho khu vực hiệp hội vẫn còn nhiều thách thức. [Nghị định số 126/2024/NĐ-CP](#) đã đưa ra một số cập nhật quan trọng, đáng chú ý là quy định rõ ràng hơn về quản lý nhà nước và cơ chế chế tài, góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam được công nhận theo Luật Doanh nghiệp (2020) nhưng không cấu thành một loại hình pháp lý riêng biệt. Theo Điều 10, doanh nghiệp xã hội được định nghĩa là doanh nghiệp (i) chủ yếu giải quyết các vấn đề xã hội và/hoặc môi trường vì lợi ích cộng đồng và (ii) tái đầu tư ít nhất 51% lợi nhuận sau thuế hằng năm cho các mục tiêu này. Doanh nghiệp xã hội có thể hoạt động dưới các hình thức pháp lý khác nhau, bao gồm công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc doanh nghiệp tư nhân. Doanh nghiệp lựa chọn mô hình này phải đăng ký thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; tính đến năm 2023, khoảng 700 doanh

niệp đã đăng ký, dù con số thực tế có thể cao hơn do ưu đãi còn hạn chế và tỷ lệ đăng ký thấp.

Chính sách và chương trình quốc gia

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021–2030) xác định các thực thể mang đặc điểm kinh tế xã hội và đoàn kết là những bên liên quan quan trọng, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết các thách thức xã hội như việc làm, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Chiến lược nhấn mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả và lợi ích của thành viên trong các tổ chức kinh tế tập thể, cùng với vai trò hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt đối với hợp tác xã nông nghiệp và tổ hợp tác. Bên cạnh đó, [Chiến lược phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã \(2021–2030\)](#) và Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021–2025 tiếp tục củng cố định hướng phát triển của khu vực này.

Các thực thể tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết, đặc biệt là hợp tác xã, cũng đóng góp trực tiếp vào các mục tiêu của của Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam 2022–2026, bao gồm tạo việc làm, mở rộng an sinh xã hội, giảm nghèo và cải thiện quản trị thị trường lao động. Trong [Khung hợp tác phát triển bền vững của Liên hợp quốc \(UNSDCF\)](#) đối với Việt Nam, hợp tác xã được công nhận là những tác nhân quan trọng trong việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), thông qua thúc đẩy phát triển bao trùm, tiếp cận công bằng với nguồn lực và dịch vụ, cũng như các hoạt động kinh tế bền vững về môi trường.

Về mặt triển khai, các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết giữ vai trò trung tâm trong ba, bao gồm: phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo bền vững; và xây dựng nông thôn mới. Trong các chương trình này, hợp tác xã vừa là chủ thể thực hiện vừa là đối tượng thụ hưởng, hỗ trợ tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng cường gắn kết xã hội, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường ở khu vực nông thôn. Ngoài ra, hợp tác xã còn là nhân tố then chốt của Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), được triển khai từ năm 2018, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và thu hẹp khoảng cách giữa nông

thôn và đô thị thông qua việc phát huy lợi thế địa phương và tri thức truyền thống.¹⁴

Các chủ thể thể chế và cơ chế phối hợp¹⁵

Quản trị và đại diện của các tổ chức mang đặc điểm kinh tế xã hội và đoàn kết tại Việt Nam được quy định bởi pháp luật. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã, với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước và là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm về xây dựng và ban hành chính sách định hướng chiến lược, thanh tra và hợp tác quốc tế. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) giám sát các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thực hiện chức năng quản lý, giám sát đối với Quỹ tín dụng nhân dân và Ngân hàng Hợp tác xã, theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Các hiệp hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, trong khi doanh nghiệp xã hội đăng ký và chịu sự quản lý theo Luật Doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở tài chính).

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) là tổ chức đại diện ở cấp quốc gia của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, hiện hoạt động trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.¹⁶

Được pháp luật Việt Nam công nhận là tổ chức của người sử dụng lao động, VCA có vai trò đại diện và thúc đẩy hợp tác xã, vận động cải cách chính sách và pháp luật, cung cấp tư vấn pháp lý, đào tạo, đồng thời tham gia vào các cơ chế và mạng lưới hợp tác quốc tế¹⁷. VCA cũng điều phối mạng lưới liên minh hợp tác xã cấp tỉnh trên toàn quốc. Năm 2024, VCA đã khởi xướng chương trình hợp tác với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-op Bank) nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng cho các hợp tác xã.

Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-op Bank) đóng vai trò là tổ chức trung tâm của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, cung cấp các dịch vụ tài chính ở cấp hệ thống cho các hợp tác xã. Bên cạnh đó, các tổ chức đại diện khác, cùng với các tổ chức phi chính phủ, trường đại học và viện nghiên cứu, cũng tham gia vào hoạt động vận động chính sách, điều

phối, đào tạo và tạo lập tri thức, đồng thời tạo cầu nối giữa các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết với các cơ quan chính phủ.

Hướng phát triển

Việt Nam có nền tảng thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội và đoàn kết, được hỗ trợ bởi một hệ thống chính sách và chương trình ngày càng mở rộng. Tuy nhiên, việc thiếu một khung pháp lý và chính sách chung cho kinh tế xã hội và đoàn kết dẫn đến các quy định bị phân mảnh và mức độ hỗ trợ không đồng đều giữa các loại hình tổ chức. Trong khi hợp tác xã được thụ hưởng từ khuôn khổ pháp lý tương đối rõ ràng và nhất quán, doanh nghiệp xã hội và hiệp hội vẫn hoạt động trong các khuôn khổ rời rạc. Khoảng cách dữ liệu là một thách thức đáng kể, do hệ thống thống kê về hợp tác xã đã được phát triển tương đối hoàn thiện, trong khi dữ liệu về các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết khác vẫn còn hạn chế làm hạn chế khả năng hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.

Những thách thức chính

Mặc dù là tổ chức đại diện cao nhất ở cấp quốc gia, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) vẫn đang phải đối mặt với những hạn chế về năng lực. Các đánh giá trong khuôn khổ hợp tác ILO – VCA cho thấy nguồn lực tài chính và chuyên môn kỹ thuật còn hạn chế, so với quy mô và nhu cầu ngày càng gia tăng của các hợp tác xã trên cả nước. Các tổ chức đại diện khác, như Mạng lưới Doanh nghiệp xã hội Việt Nam (VNSE), cùng với các tổ chức trung gian như tổ chức phi chính phủ và các đơn vị học thuật, đã có những đóng góp tích cực cho việc thúc đẩy kinh tế xã hội và đoàn kết, song mức độ nhận diện và phối hợp còn hạn chế. Do đó, khuôn khổ hỗ trợ kinh tế xã hội và đoàn kết hiện vẫn mang tính phân mảnh, với nhiều tổ chức chưa có đủ nguồn lực để cung cấp dịch vụ hỗ trợ toàn diện hoặc đóng góp chính sách hiệu quả cho tất cả các nhóm tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết. Điều này cho thấy nhu cầu tăng cường điều phối thể chế, củng cố năng lực của các tổ chức đại diện và xây dựng một cách tiếp cận thống nhất hơn đối với kinh tế xã hội và đoàn kết trong thời gian tới.

¹⁴ Ví dụ về các hợp tác xã được OCOP hỗ trợ bao gồm: [Hợp tác xã Tuyệt Hương](#) sản xuất Chè Minh Tâm; [Hợp tác xã Gốm sứ Quang Vinh](#) được công nhận về gốm sứ Trang; Hợp tác xã Hoa Lê sản xuất thanh long và các sản phẩm chế biến; và [Nước mắm Khải Hoàn](#) (Phú Quốc).

¹⁵ Các nhiệm vụ quản trị này phản ánh cơ cấu của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, VCA, SBV và Bộ Nội vụ trước khi tái cấu trúc được công bố vào tháng 7 năm 2025, sáp nhập một số bộ (ví dụ: Bộ KH&ĐT vào Tài chính), giảm các tỉnh từ 63 xuống còn 34 với chính quyền cấp huyện bị loại bỏ và đưa ra

các cách thức pháp bao gồm hệ thống tòa án ba cấp với các tòa án SHTT chuyên biệt.

¹⁶ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

¹⁷ Điều 7 Bộ luật Lao động ([Luật số 45/2019/QH14](#)), 2019.

Những hạn chế về tài chính tiếp tục là một trong những trở ngại lớn nhất đối với các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết. Phần lớn các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết hoạt động với quy mô vốn nhỏ, gặp khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng với chi phí hợp lý và đối mặt với nhiều rào cản trong mở rộng thị trường. Mặc dù đã có các công cụ hỗ trợ như Quỹ Hỗ trợ Phát triển Hợp tác xã và Quỹ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ, các điều kiện nghiêm ngặt và yêu cầu về tài sản thế chấp vẫn hạn chế khả năng tiếp cận của nhiều tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết.

Bên cạnh đó, năng lực kỹ thuật và quản lý – bao gồm năng lực chuyển đổi số – còn hạn chế, làm giảm năng suất, khả năng đổi mới và khả năng thích ứng với thị trường. Khả năng tiếp cận thị trường vẫn còn hạn chế, dù đã có một số tiến triển thông qua các sáng kiến như Chương trình Mỗi xã một sản phẩm. Nhiều tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết chưa được tích hợp hiệu quả vào chuỗi giá trị, từ đó làm suy giảm năng lực cạnh tranh và khả năng phát triển bền vững.

Kinh tế xã hội và đoàn kết cũng tiếp tục chưa được nhận diện và công nhận đầy đủ trong bối cảnh chính sách tại Việt Nam. Sự thiếu vắng này không chỉ làm giảm mức độ tham gia của các chủ thể tiềm năng, mà còn làm suy yếu động lực chính trị cho việc xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ kinh tế xã hội và đoàn kết một cách có hệ thống.

Các rào cản đối với quá trình chính thức hóa vẫn còn đáng kể. Thủ tục hành chính phức tạp, các ưu đãi hạn chế và chi phí nhận thức cao tiếp tục gây khó khăn cho các hộ kinh doanh khi tham gia vào các mô hình kinh tế xã hội và đoàn kết. Tuy nhiên, những cải cách gần đây – đặc biệt là [Nghị định số 92/2024/NĐ-CP](#) – đã thể hiện những bước tiến quan trọng trong việc đơn giản hóa đăng ký hợp tác xã và tận dụng các nền tảng số. Như được nhấn mạnh trong Phương pháp tiếp cận sáng tạo của ILO đối với chính thức hóa ở châu Á và Thái Bình Dương (2025), các biện pháp này có thể giảm chi phí chuyển đổi, khuyến khích chuyển dịch từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức, đồng thời bảo vệ quyền của người lao động và hỗ trợ phát triển bền vững của kinh tế xã hội và đoàn kết.

Để tiếp tục phát huy nền tảng sẵn có, Chính phủ Việt Nam và các đối tác cần tăng cường hành động phối hợp nhằm củng cố kinh tế xã hội và đoàn kết. Sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đối tác xã hội và các chủ thể quốc tế có thể nâng cao tính nhận diện của kinh tế xã hội và đoàn kết, tăng cường lồng ghép kinh tế xã hội và đoàn kết vào các chiến lược quốc gia, đồng thời mở rộng hỗ trợ về tài chính và thể chế, qua đó giúp kinh tế xã hội và đoàn

kết đóng góp hiệu quả hơn cho một tương lai bao trùm, có khả năng chống chịu và bền vững.

Khuyến nghị

Nhằm thúc đẩy việc làm và phát triển bền vững thông qua kinh tế xã hội và đoàn kết, có thể xem xét các ưu tiên sau:

Về phía Chính phủ:

- **Thúc đẩy chính thức hóa và tạo việc làm bằng cách tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục đăng ký chính thức cho các nhóm phi chính thức** và hộ kinh doanh khi chuyển đổi thành tổ hợp tác, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết khác, bao gồm thông qua các hoạt động thí điểm do Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam hỗ trợ, gắn đăng ký với tuân thủ an toàn, vệ sinh lao động, phát triển kỹ năng và tham gia bảo hiểm xã hội.
- **Tăng cường thống kê và nhận diện của kinh tế xã hội và đoàn kết thông qua phát triển các tài khoản vệ tinh và cập nhật hệ thống chỉ tiêu** của Cục Thống kê để bao phủ toàn bộ các loại hình tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết. Gợi ý bao gồm thí điểm các mô-đun dữ liệu kinh tế xã hội và đoàn kết do Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam hỗ trợ (trước mắt tập trung vào hợp tác xã và tổ hợp tác), phối hợp chặt chẽ với cơ quan phụ trách kinh tế tập thể, đồng thời tận dụng các công cụ và nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách.
- **Tăng cường nhận diện và nâng cao nhận thức về kinh tế xã hội và đoàn kết thông qua việc phát động Chiến dịch Nhận thức Quốc gia về kinh tế xã hội và đoàn kết**, do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) đảm nhiệm, nhằm nâng cao hiểu biết của xã hội về vai trò và đóng góp của kinh tế xã hội và đoàn kết đối với phát triển bao trùm và bền vững, được hỗ trợ bởi các sáng kiến giáo dục và đào tạo có mục tiêu.
- **Mở rộng cơ hội tiếp cận tài chính và thị trường cho các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết thông qua các** ưu đãi tài khóa phù hợp (như trái phiếu tác động xã hội, quỹ bảo lãnh và ưu đãi thuế), cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng, mua sắm công ưu tiên, và các nền tảng thị trường số gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm. Các biện pháp này có thể bao gồm áp dụng các cơ chế Chứng nhận Tài chính Xanh, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức

kinh tế xã hội và đoàn kết tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi cho các dự án bền vững về môi trường.

- **Tăng cường vai trò của kinh tế xã hội và đoàn kết là một cơ chế thực hiện chính trong việc thúc đẩy chuyển đổi công bằng, đẩy nhanh quá trình chính thức hóa và tạo việc làm bền vững, thông qua việc điều chỉnh và gắn kết phát triển kinh tế xã hội và đoàn kết với Chương trình Thúc đẩy Toàn cầu của Liên Hợp Quốc về Việc làm và An sinh Xã hội cho Chuyển đổi Công bằng, cũng như Liên minh Toàn cầu về Công bằng Xã hội của ILO.**

Về phía các tổ chức của người sử dụng lao động:

- **Góp phần làm rõ phạm vi và định nghĩa của kinh tế xã hội và đoàn kết tại Việt Nam**, bao gồm thông qua việc tiến hành khảo sát trên phạm vi quốc gia nhằm đánh giá các loại hình tổ chức khác nhau dựa trên các giá trị và nguyên tắc kinh tế xã hội và đoàn kết được quốc tế công nhận.
- **Ủng hộ việc xây dựng một khuôn khổ kinh tế xã hội và đoàn kết thuận lợi**, vừa hỗ trợ các hoạt động kinh doanh bền vững, vừa tuân thủ các nguyên tắc xã hội, bảo đảm rằng các quy định thiết thực, linh hoạt và không cản trở đổi mới hoặc tăng trưởng.
- **Ủng hộ các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết tham gia làm thành viên của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận các ưu đãi xuất khẩu, chương trình phát triển nhà cung cấp và hoạt động xúc tiến thương mại.
- **Cung cấp các dịch vụ phát triển kinh doanh cho các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết**, bao gồm đào tạo, học tập đồng đẳng và cung cấp thông tin thị trường, gắn với các công cụ của ILO như Start.COOP, Think.COOP và Chương trình đầu tư tạo việc làm (EIIP). Các dịch vụ này có thể tập trung vào nâng cấp chuỗi giá trị, chuyển đổi số và sản xuất xanh theo Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện tiếp cận thương mại, công nghệ và tài chính thông qua mạng lưới người sử dụng lao động và các phòng thương mại.
- **Phối hợp với Chính phủ và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA)** để thúc đẩy hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, thông qua việc hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, chuỗi cung ứng và sản xuất bền vững, cũng như các chương trình chứng nhận tự nguyện, đặc biệt đối với các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết tham gia thị trường xuất khẩu.

- **Ủng hộ các khuôn khổ pháp luật và chính sách hài hòa**, bổ trợ lẫn nhau, nhằm đảm bảo sự hỗ trợ nhất quán cho các loại hình tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết khác nhau (bao gồm hợp tác xã, doanh nghiệp xã hội và các hình thức khác) trong các khuôn khổ pháp lý hiện hành.

Về phía các tổ chức của người lao động:

- **Thúc đẩy các nguyên tắc kinh tế xã hội và đoàn kết và đào tạo về quản trị**, quyền của người lao động và thực hành kinh doanh bền vững, qua đó tăng cường sự tham gia tích cực của người lao động và hỗ trợ thương lượng tập thể.
- **Mở rộng tiếp cận tới người lao động trong khu vực kinh tế xã hội và đoàn kết**, bao gồm cả người lao động trong nền kinh tế phi chính thức, thông qua việc nâng cao nhận thức về quyền lao động và thúc đẩy các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, như an toàn, vệ sinh lao động, xóa bỏ lao động trẻ em, và thúc đẩy thương lượng tập thể. Các nội dung này có thể được tích hợp vào các chương trình đào tạo hợp tác xã thông qua Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam.
- **Tăng cường liên kết giữa quá trình chính thức hóa kinh tế xã hội và đoàn kết và các thiết chế lao động**, bằng cách kết nối người lao động kinh tế xã hội và đoàn kết với tổ chức công đoàn, hỗ trợ thanh tra lao động và tham gia các chương trình an sinh xã hội.

Về phía các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết quốc gia và các tổ chức hỗ trợ:

- **Tham gia nghiên cứu tổng quan về kinh tế xã hội và đoàn kết, duy trì đăng ký của các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết ở cấp địa phương** để đưa vào số liệu thống kê chính thức.
- **Tham gia tích cực vào đối thoại chính sách**, thông qua việc cung cấp bằng chứng từ thực tiễn triển khai và nghiên cứu thực địa, đồng thời đóng góp ý kiến cho các khuôn khổ pháp lý phản ánh sát thực tế và nhu cầu của các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết.
- **Thúc đẩy học tập đồng đẳng** và trao đổi thực tiễn tốt giữa các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết, nhằm tăng cường đổi mới, cải thiện quản trị và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, đồng thời giới thiệu các mô hình thành công để thu hút sự tham gia của cộng đồng và nâng cao nhận thức về các giá trị của kinh tế xã hội và đoàn kết.

Về phía các đối tác phát triển:

- **Thúc đẩy đối thoại nhiều bên về vai trò của kinh tế xã hội và đoàn kết** trong việc làm bền vững và phát triển bền vững, nhấn mạnh sự tương thích giữa kinh tế xã hội và đoàn kết với các nguyên tắc kinh tế tập thể của Việt Nam và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) nhằm tăng cường cam kết chính sách của Chính phủ. Các hoạt động có thể bao gồm khuyến khích, hỗ trợ tổ chức Diễn đàn thường niên về Chính sách kinh tế xã hội và đoàn kết Việt Nam, gắn với việc công bố và theo dõi các bản tóm tắt chính sách kinh tế xã hội và đoàn kết, kết nối với Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam, đồng thời phối hợp với các Nhóm làm việc của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, cũng như với các nỗ lực huy động nguồn lực.
- **Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực cho các cơ quan xây dựng** chính sách và các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết, tập trung vào quản lý hợp tác xã, quản trị dân chủ và áp dụng các nguyên tắc kinh tế xã hội và đoàn kết, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực thể chế.
- **Tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác giữa các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết với các tổ chức của người sử**

dụng lao động và người lao động, qua đó tăng cường vận động chung, đối thoại xã hội và hành động phối hợp ở cả cấp quốc gia và địa phương.

- **Thúc đẩy vai trò của kinh tế xã hội và đoàn kết trong chuyển đổi công bằng, chính thức hóa và tạo việc làm**, thông qua kết nối với các hoạt động của Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng tại Việt Nam, Chương trình Thúc đẩy Toàn cầu của Liên Hợp Quốc về Việc làm và An sinh Xã hội vì Chuyển đổi Công bằng và Liên minh Toàn cầu về Công bằng Xã hội của ILO, đồng thời huy động nguồn lực và tri thức quốc tế. Các hỗ trợ cụ thể có thể bao gồm giúp các tổ chức kinh tế xã hội và đoàn kết chuyển đổi sang mô hình kinh doanh xanh (như nông nghiệp hữu cơ, hợp tác xã năng lượng sạch) và xây dựng cơ chế đo lường rõ ràng về tạo việc làm, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương.
- **Hỗ trợ Cục Thống cải thiện dữ liệu về kinh tế xã hội và đoàn kết**, thông qua việc thí điểm các tài khoản chuyên đề, cập nhật hệ thống phân loại cho doanh nghiệp xã hội và hộ kinh doanh, điều chỉnh phương pháp luận và chỉ tiêu phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời tài trợ hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho Cục Thống trong lĩnh vực thống kê kinh tế xã hội và đoàn kết.

Báo cáo chuyên đề này được xây dựng dựa trên báo cáo nền của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) và Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến phục vụ Cộng đồng, Việt Nam, thực hiện cho Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường nền kinh tế xã hội và đoàn kết tại châu Á”, với sự tài trợ của Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc. Các quan điểm và ý kiến trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của ILO. Việc đề cập đến các tổ chức, sản phẩm hoặc sáng kiến cụ thể không cấu thành sự xác nhận của ILO, và việc không đề cập đến bất kỳ tổ chức, sản phẩm hoặc sáng kiến nào không hàm ý sự không chấp thuận.

Chi tiết liên lạc	Tổ chức Lao động Quốc tế Tuyến đường Morillons 4 CH-1211 Geneva 22 Thụy Sĩ	Đơn vị Kinh tế Hợp tác, Xã hội và Đoàn kết (COOP/SSE)T: +41 22 799 7095 E: coop@ilo.org ; www.ilo.org/sse DOI: https://doi.org/10.54394/HYQB5399
--------------------------	--	---

